

Số: 05

Ngày 01/02/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại cơ quan mình.
2. Một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.
3. Tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp.
4. Quy định về quản lý và bảo trì công trình thủy nội địa.
5. Phát triển dự án điện gió và công trình mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 01/11/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Từ 15/02/2019 những đối tượng nào được điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội?
2. Tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng do nhà nước đóng và đối tượng do người sử dụng lao động đóng được điều chỉnh như thế nào?
3. Thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được tính như thế nào?
4. Đối với người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì thu nhập tháng được tính như thế nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ PHẢI THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI CƠ QUAN MÌNH

Ngày 22/01/2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ áp dụng đối với các đối tượng: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các đơn vị sự nghiệp công lập; các doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của đơn vị; các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của đơn vị đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao; các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà đơn vị đạt được.

Theo đó, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại cơ quan mình và tại các đơn vị trực thuộc bao gồm cả đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại các cơ quan chuyên môn thuộc và tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và *Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới*

chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: có tổng quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của số người lao động hiện có trong một năm từ 20 tỷ đồng trở lên hoặc sử dụng từ 200 người lao động trở lên phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ. Việc thực hiện công tác kiểm toán nội bộ phải đảm bảo nguyên tắc không tăng biên chế, không phát sinh đầu mỗi mới.

Bộ phận kiểm toán nội bộ phải xây dựng quy trình nghiệp vụ, kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm tại đơn vị trình cấp quản lý trực tiếp xem xét, phê duyệt; tư vấn cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của đơn vị nhằm bảo đảm hợp tác có hiệu quả đồng thời phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị; tạo điều kiện để bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định; quyết định việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ, có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ. Các bộ phận, đơn vị được

kiểm toán có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của bộ phận kiểm toán nội bộ một cách trung thực, chính xác.

Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 01/4/2019, các đối tượng phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ quy định tại Nghị định này phải hoàn thành các công việc cần thiết để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định này.

2. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Ngày 23/01/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2019/NĐ-CP quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (bao gồm chế độ sinh hoạt phí, phụ cấp, trợ cấp, chế độ bảo hiểm khám, chữa bệnh, thời gian làm việc và một số chế độ khác đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn thu ngân sách nhà nước, phu nhân, phu quân và con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài).

Theo đó, mức sinh hoạt phí cơ sở là định mức tiền tính bằng đô-la Mỹ áp dụng cho tất cả các địa bàn, được xác định trên cơ sở bảo đảm nhu cầu chung về ăn, chi tiêu thiết yếu và một số nhu cầu về văn hóa, tinh thần cho các thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, phù hợp với điều kiện kinh tế của Nhà nước và đặc thù công

tác đối ngoại tại nước ngoài. Mức sinh hoạt phí cơ sở áp dụng chung cho tất cả các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là 650 đô-la Mỹ/người/tháng và sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng tại địa bàn tăng từ 10% trở lên hoặc tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Chỉ số sinh hoạt phí thấp nhất là 100% và cao nhất là 250%, được xác định theo hệ thống tiêu chuẩn chức danh, chức vụ ngoại giao của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và hệ số lương hiện hưởng trong nước.

Về chế độ phụ cấp: Đại sứ, người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền giao kiêm nhiệm công tác tại nước khác hoặc tổ chức quốc tế ở nước khác được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn như sau: kiêm nhiệm từ một đến hai nước hoặc tổ chức quốc tế ở nước khác được hưởng mức 15% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn.

Về chế độ trợ cấp: thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài công tác nhiệm kỳ tại địa bàn đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh nghiêm trọng đe dọa tính mạng hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp hàng tháng bằng 30% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài bị thương hoặc bị chết trong thời gian công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài, ngoài chế độ quy định tại Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức,

thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hoặc thân nhân của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước trợ cấp, cụ thể: mức trợ cấp một lần bằng 3 lần mức sinh hoạt phí cơ sở nếu bị thương làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; mức trợ cấp một lần bằng 7 lần mức sinh hoạt phí cơ sở nếu bị chết.

Nghị định cũng quy định một số chế độ khác như: thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước thanh toán tiền nhà ở, tiền điện, tiền nước, tiền chất đốt, tiền thuê bao cáp truyền hình, tiền thuê bao điện thoại, internet; được hưởng 40% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên, phụ cấp vượt khung (nếu có) ở trong nước, được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội như khi công tác trong nước; được phụ cấp một khoản tiền khoán cho cả nhiệm kỳ để mua trang phục đối ngoại, đồ dùng cá nhân thiết yếu; tiền vé máy bay, cước hành lý đi công tác nhiệm kỳ. Đối với con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được hỗ trợ học phí theo từng tháng trong năm học, mức hỗ trợ tối đa bằng 50% mức sinh hoạt phí cơ sở; được hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm khám, chữa bệnh ở nước ngoài.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 11/3/2019. Các chế độ quy định tại nghị định này được tính hưởng từ ngày 01/7/2018.

3. TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CHÍNH PHỦ

TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÁC CẤP

Nhằm tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ như một công cụ quan trọng để đảm bảo an toàn các giao dịch điện tử và đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản điện tử, góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành, ngày 23/01/2019 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg về việc tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp.

Theo đó, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt, triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn để nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức trong việc tham mưu, triển khai và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các loại hình giao dịch điện tử phục vụ quản lý, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; ưu tiên nguồn lực để triển khai công tác này; thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong phạm vi bộ, ngành, địa phương mình đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả.

Thủ trưởng, cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước các cấp gương mẫu, quyết liệt chỉ đạo, triển khai và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các giao dịch điện tử phục vụ quản lý, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phục vụ cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử.

Chị thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 23/01/2019.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH THỦY NỘI ĐỊA

Ngày 11/01/2019, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư 01/2019/TT-BGTVT quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa. Theo đó công trình đường thủy nội địa sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa được nghiệm thu, bàn giao để tổ chức quản lý và bảo trì. Thời gian thực hiện quản lý và bảo trì được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Công trình đường thủy nội địa phải có quy trình bảo trì trước khi đưa vào khai thác, gồm: luồng đường thủy nội địa; âu tàu; công trình đưa phương tiện qua đập, thác; cảng thủy nội địa; kè, đập giao thông; báo hiệu đường thủy nội địa. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này.

Công tác bảo trì công trình đường thủy nội địa bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra công trình đường thủy nội địa thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình; quan trắc công trình đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này; kiểm định chất lượng công trình đường thủy nội địa theo quy định; bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa bao gồm các công việc được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa và quy trình bảo trì; sửa chữa công trình đường thủy nội địa.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, hướng dẫn các

đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý công trình đường thủy nội địa trong việc quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt; đảm bảo quy định của quy trình bảo trì, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và kế hoạch bảo trì được giao; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa trên hệ thống đường thủy nội địa quốc gia.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/3/2019 và thay thế Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 5/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.

5. PHÁT TRIỂN DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ VÀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU CHO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ

Ngày 15/01/2019, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 02/2019/TT-BCT quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.

Theo đó, Dự án điện gió chỉ được khởi công và thi công xây dựng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo các điều kiện: Hồ sơ thiết kế xây dựng được thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành; hợp đồng mua bán điện đã ký với Bên mua điện; có hợp đồng cung cấp tài chính và cam kết về nguồn vốn để bảo đảm

tiến độ xây dựng công trình đúng với tiến độ đã được phê duyệt trong dự án đầu tư xây dựng công trình.

Thiết bị công trình điện gió phải đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế IEC hoặc các tiêu chuẩn tương đương. Thiết bị công trình điện gió phải là thiết bị chưa qua sử dụng, có thời gian xuất xưởng không quá năm (05) năm, có Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận sản xuất phù hợp. Trường hợp sử dụng thiết bị công trình điện gió đã qua sử dụng, hoặc có thời hạn xuất xưởng quá 5 năm phải báo cáo Bộ Công Thương phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, quyết định. Công trình điện gió phải nằm cách xa khu dân cư ít nhất 300m. Tua bin và cột tháp điện gió phải có màu sáng, không phản quang. Diện tích đất sử dụng đất cho dự án điện gió phải phù hợp với quy mô công suất công trình. Suất sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió không quá không phải ba lăm (0,35) ha/MW. Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió không quá không phải ba (0,3 ha/MW). Ưu tiên phát triển công trình điện gió ở các vị trí đất khô cằn, sỏi đá, ít có giá trị nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dân cư thưa thớt hoặc không có người sinh sống.

Về hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió lưới, Thông tư quy định việc sử dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió là bắt buộc trong mua bán điện giữa

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Bên bán điện và Bên mua điện. Bên bán điện có trách nhiệm thống nhất với Bên mua điện phương án lắp đặt công tơ và cách đo đếm, tính toán sản lượng điện riêng biệt của các tua bin trong đất liền và trên biển để làm cơ sở áp dụng giá mua bán điện phù hợp.

Nội dung Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió quy định chi tiết tại Phụ lục 2 ban hành

kèm theo Thông tư này. Bên bán điện và Bên mua điện chỉ được bổ sung nội dung của Hợp đồng mua bán điện mẫu để làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên mà không được làm thay đổi nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán điện mẫu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/2/2019.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 119/2018/NĐ-CP NGÀY 01/11/2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ KHI BÁN HÀNG HÓA, CUNG CẤP DỊCH VỤ

Bộ Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến vào dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 01/11/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Theo đó, nội dung bắt buộc thể hiện trên hóa đơn điện tử gồm: tên hoá đơn; ký hiệu mẫu số hóa đơn và ký hiệu hóa đơn, trong đó ký hiệu mẫu số hoá đơn bao gồm 1 hoặc 2 ký tự thể hiện loại hóa đơn, ký hiệu hóa đơn điện tử bao gồm 05 ký tự 02 ký tự đầu tiên để phân biệt hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không mã của cơ quan thuế, 02 ký tự tiếp theo thể hiện năm khởi

tạo hóa đơn điện tử, 01 ký tự cuối cùng để phân biệt hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp, hóa đơn điện tử của các tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng; tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán; tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua; tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền thanh toán đơn vị tiền tệ sử dụng trên hóa đơn điện tử là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế “VND”; chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán; chữ ký số, chữ ký điện tử của người mua; thời điểm lập hóa đơn điện tử ghi theo ngày, tháng, năm lập hóa đơn điện tử trong đó ngày, tháng, năm lập hóa đơn ghi bằng số và ghi theo dạng: DD/MM/YYYY; mã của cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

Số 05 ngày 01/02/2019 trang 7/10

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

quan thuế; phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và nội dung khác có liên quan.

Đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, thời điểm lập hóa đơn được xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn gửi đến cơ quan thuế để được cấp mã sau đó gửi cho người mua hóa đơn điện tử đã được cơ quan thuế cấp mã. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm người cung cấp dịch vụ hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc là thời điểm người cung cấp dịch vụ lập hóa đơn cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn điện tử cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng...

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng

hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Doanh nghiệp kinh doanh ở các lĩnh vực: điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy; nước sạch; tài chính tín dụng; bảo hiểm; y tế; kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh siêu thị; thương mại và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và đảm bảo việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Từ ngày 01/11/2020 các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Từ 15/02/2019 những đối tượng nào được điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội?

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

*** Trả lời:** Điều 1 Thông tư số 35/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định những đối tượng sau đây được

Số 05 ngày 01/02/2019 trang 8/10

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

điều chỉnh tiền lương sau khi đã đóng bảo hiểm xã hội:

1. Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi, hưởng bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định, hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019.

3. Đối tượng điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định là người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019.

2. Hỏi: Tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng do nhà nước đóng và đối tượng do người sử dụng lao động đóng được điều chỉnh như thế nào?

*** Trả lời:** Khoản 1 điều 2 Thông tư số 35/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng do

nhà nước đóng và đối tượng do người sử dụng lao động đóng được điều chỉnh theo công thức sau:

Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội sau điều chỉnh của từng năm = Tổng tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của từng năm x Mức điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội của năm tương ứng.

3. Hỏi: Thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được tính như thế nào?

*** Trả lời:** Khoản 1 điều 3 Thông tư số 35/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được điều chỉnh theo công thức sau:

Thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện sau điều chỉnh của từng năm = Tổng thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội của từng năm X Mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội của năm tương ứng.

4. Hỏi: Đối với người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì thu nhập tháng được tính như thế nào?

*** Trả lời:** Khoản 1 điều 3 Thông tư số 35/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

xã hội tự nguyện thì thu nhập tháng được tính như sau:

Đối với người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được điều chỉnh theo công thức:

Thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện sau điều chỉnh của từng năm = Tổng thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội của từng năm X Mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội của năm tương ứng.

Tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được điều chỉnh theo công thức:

Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội sau điều chỉnh của từng năm = Tổng tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của từng năm X Mức điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội của năm tương ứng./.